TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ G
TỈNH BẠC LIÊU
Bản án số: 59/2022/HNGĐ-ST
Ngày 28-6-2023
V/v ly hôn, nuôi con.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ G, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ca Kiều Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Nhạn

2. Bà Cao Thị Mỹ Phượng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Khắc Hải – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Giang– Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 205/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2023 về việc ly hôn, nuôi con.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2023/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Mỹ L**, sinh năm 1997

Địa chỉ: Khóm 2, phường L, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Anh **Châu Chí Th**, sinh năm 1997

Địa chỉ: Khóm 2, phường L, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

(Chị L và anh Th có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ L trình bày: Năm 2022 chị Trần Thị Mỹ L và anh Châu Chí Th tự nguyện chung sống vợ chồng nhưng cho đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu

thuẫn dẫn đến cải vã do bất đồng quan điểm trong cuộc, con còn quá nhỏ nhưng anh Th không quan tâm chăm sóc gia đình, không lo làm ăn vun vén hạnh phúc gia đình mà chỉ ham chơi. Nay xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn tiếp tục chung sống nên chị L yêu cầu được ly hôn với anh Th. Chị L và anh Th chung sống có 01 con chung tên Trần Ngọc Kim T, sinh ngày 05/3/2023, cháu đang sống cùng chị L, khi ly hôn chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu T, không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Châu Chí Th trình bày: Anh Th thống nhất với lời trình bày của chị L về thời gian chung sống, con chung, tài sản chung và nợ chung. Trong thời gian vợ chồng chung sống đã xảy ra mâu thuẫn, cãi vã do không hợp tính tình, bất đồng qua điểm trong cuộc sống. Nay chị L xin ly hôn thì anh Th cũng đồng ý ly hôn. Anh Th và chị L chung sống có 01 con chung tên Trần Ngọc Kim T, sinh ngày 05/3/2023, cháu đang sống cùng chị L, khi ly hôn anh Th đồng ý giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 14, Điều 51, Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Không công nhận chị Trần Thị Mỹ L và anh Châu Chí Th là vợ chồng. Về con chung, ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn về việc giao con chung là Trần Ngọc Kim T, sinh ngày 05/3/202 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến trình bày của đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" giữa nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ L và bị đơn anh Châu Chí Th đều đang cư trú tại Khóm 2, phường L, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

nhân dân thị xã G theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ L và bị đơn anh Châu Chí Th có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Năm 2022, chị Trần Thị Mỹ L và anh Châu Chí Th tự nguyện chung sống vợ chồng, tại thời điểm chung sống với nhau cho đến nay thì chị L và anh Th có điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Nay chị L xin ly hôn thì anh Th cũng đồng ý ly hôn với chị L. Do chị L và anh Th chung sống mà không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận chị L và anh Th là vợ chồng. Chị L và anh Th chung sống có 01 con chung tên Trần Ngọc Kim T, sinh ngày 05/3/2023, cháu đang sống cùng chị L. Khi ly hôn, chị L và anh Th thống nhất thỏa thuận giao cháu T cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, chị L không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, chị L và anh Th đã thống nhất thỏa thuận về con chung, việc thỏa thuận phù hợp pháp luật, phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 về việc nuôi con dưới 36 tháng tuổi nên được ghi nhận, giao cháu Tỷ cho chị L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung, chị L và anh Th thống nhất xác định không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Trần Thị Mỹ L là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Xét đề nghị của Đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm là phù hợp nên được Hội đồng xét xử được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận chị Trần Thị Mỹ L và anh Châu Chí Th là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Ngọc Kim T, sinh ngày 05/3/2023 cho chị Trần Thị Mỹ L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Anh Châu Chí Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị Mỹ L và anh Châu Chí Th thống nhất xác định không có tài sản chung, không có nợ chung nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị Mỹ L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, chị L đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số 0014650 ngày 24/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã G, nay được chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND Tx. G;
- Chi cục THADS Tx. G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Ca Kiều Nguyệt